

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 10/2017/HNGĐ-PT

Ngày 07-9-2017

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Vinh.

Các Thẩm phán: + Ông Phạm Văn Khôi.

+ Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1978.

Trú tại: Xóm Đ, thôn Y, xã Y, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đào Thị H: Ông Đặng Tiến B – Luật sư văn phòng luật sư T thuộc đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1974.

Trú tại: Xóm Đ, thôn Y, xã Y, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Phạm Văn V: Ông Trương Đình T - Luật sư, văn phòng luật sư Tr thuộc đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th - Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình H - Giám đốc phòng giao dịch huyện Y (theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội).

Ông Phạm Đình H ủy quyền lại cho bà Bùi Thị H - Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện Y (theo giấy ủy quyền ngày 11 tháng 4 năm 2017).

- Anh Ninh Doãn Th, sinh năm 1970.

Trú tại: Tổ 4, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1952.

Trú tại: Xóm Đ, thôn Y, xã Y, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

4. Người kháng cáo: Anh Phạm Văn V.

Tại phiên tòa có mặt: Anh Phạm Văn V, chị Đào Thị H. Luật sư Đặng Tiến B, Luật sư Trương Đình T. Anh Ninh Doãn Th vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Đào Thị H và anh Phạm Văn V được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng ngày 10/01/2001. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi chửi nhau nhiều lần, tháng 6 năm 2016 chị Đào Thị H bỏ đi thuê nhà để ở. Nay chị Đào Thị H xin ly hôn, anh Phạm Văn V cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị Đào Thị H và anh Phạm Văn V có ba con chung là các cháu Phạm Thị Huyền Th sinh ngày 13/10/2001, cháu Phạm Ngọc H sinh ngày 02/4/2008 và cháu Phạm Việt A sinh ngày 10/7/2015.

Về tài sản chung:

- Nhà và các công trình trên diện tích đất 260m², thửa số 642, tờ bản đồ 1B, xã Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Phạm Văn V. Anh Phạm Văn V cho rằng thửa đất này có nguồn gốc của bố mẹ anh. Khi bố anh chết tháng 7/2011, mẹ anh và anh em trong gia đình đã tặng cho riêng anh mảnh đất này nên là tài sản riêng của anh; tài sản trên đất là của vợ chồng. Chị Đào Thị H cho rằng tài sản trên thửa đất này là của chung vợ chồng.

- Tài sản ở khu vực đa canh Nam Phiến: Việc đầu tư mở rộng một phần ao, xây ba ô chuồng trại cả chị Đào Thị H và anh Phạm Văn V đều xác nhận là tài sản chung của vợ chồng.

- Thửa đất số H63 (TGD), diện tích 92 m², tờ bản đồ số 34, tổ 1, phường T, thành phố T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng; chị Đào Thị H và anh Phạm Văn V đều xác định là tài sản chung của vợ chồng.

- Chị Đào Thị H và anh Phạm Văn V không đề nghị Tòa án giải quyết đối với đất 313, tiêu chuẩn của ai thì vẫn thuộc của người đó.

Về công nợ: Chị Đào Thị H và anh Phạm Văn V thống nhất vợ chồng nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Y 8 triệu đồng, lãi theo hợp đồng vay vốn đã ký và xác định tiền lãi tính đến ngày 21/4/2017 theo như Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Y cung cấp là 8.021.333 đồng là đúng.

Đối với khoản vay anh Ninh Doãn Th 170 triệu đồng: Anh Phạm Văn V cho rằng đây là nợ chung của vợ chồng, nhưng chị Đào Thị H xác định là nợ riêng của anh Phạm Văn V.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2017, Toà án nhân dân huyện Y đã quyết định:

Căn cứ các Điều 55, 57, 33; 43; 81, 82, 83, 110 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 317; 357; 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật đất đai năm 2015; các Điều 147; 157; 165; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; khoản 8, 9, 10 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị H và anh Phạm Văn V. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị H và anh Phạm Văn V chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Huyền Th sinh ngày 13/10/2001 và cháu Phạm Việt A sinh ngày 10/7/2015. Anh Phạm Văn V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc H sinh ngày 02/4/2008. Anh Phạm Văn V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Việt A mỗi tháng 700.000đồng (*bảy trăm nghìn đồng*) kể từ tháng 4/2017 đến khi cháu Việt A trưởng thành. Chị Đào Thị H, anh Phạm Văn V được quyền thăm nom chăm sóc các con chung.

3. Về phân chia tài sản và công nợ:

a. Chia cho anh Phạm Văn V được sở hữu các tài sản sau:

- Sở hữu nhà, đất và các công trình trên diện tích đất 260m² tại xóm Đ, thôn Y, xã Yên, huyện YM thuộc thửa số 642, tờ bản đồ số 1B xã Y đã được Ủy ban nhân dân huyện YM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn V ngày 14/11/2011 trong đó đất ở 260m² là tài sản riêng của anh V.

- Sở hữu ba ô chuồng trại mà vợ chồng đã đầu tư trên khu vực đa canh Nam Phiến, thôn Y, xã Y của ông D, bà H và công sức mở rộng phân ao của ông D, bà H.

b. Chia cho chị Đào Thị H được quyền sử dụng đất diện tích 92 m² tại thửa số H63 (TGD) tờ bản đồ số 34 ở tổ 1, phường T, thành phố T đã được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/2013 mang tên Phạm Văn V và Đào Thị H.

c. Về công nợ: Anh Phạm Văn V có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện YM 8 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 21/4/2017 là 8.021.333 đồng và thực hiện theo hợp đồng vay vốn đã ký.

d. Chị Đào Thị H có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản chung cho anh Phạm Văn V là 103.295.000đồng (*Một trăm linh ba triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Quan hệ vay nợ giữa anh Phạm Văn V và anh Ninh Doãn Th tách ra giải quyết thành vụ kiện dân sự khác khi có tranh chấp.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Chị Đào Thị H phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001784 ngày 21/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YM.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn V phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

- Án phí chia tài sản: Anh Phạm Văn V phải nộp 11.135.700đồng (*mười một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

- Miễn 50% án phí cho chị Đào Thị H. Chị Đào Thị H phải nộp số tiền án phí là 4.267.800đồng. Chị Đào Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 4.300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001788 ngày 21/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YM, nên được hoàn lại 32.200đồng (*ba mươi hai nghìn hai trăm đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 27/4/2017, anh Phạm Văn V có đơn kháng cáo với nội dung: Anh không đồng ý với phán quyết của Tòa án huyện Y về phân phân chia tài sản của hai vợ chồng với lý do: Năm 1994, anh vào thành phố Biên Hòa lao động dành dụm được tiền đến năm 1996 anh mua một miếng đất, năm 1998 xây dựng một căn nhà, năm 2001 anh kết hôn với chị Đào Thị H và hai vợ chồng trú tại căn nhà này. Tháng 10 năm 2008 anh chuyển về quê làm ăn sinh sống; năm 2012 anh bán căn nhà này được 280.000.000đ; năm 2013 mua mảnh đất ở thành phố Tam Điệp hết 265.000.000đ. Lúc này vợ chồng chung sống hạnh phúc nên anh làm sổ đỏ đứng tên hai vợ chồng sau đó vợ anh sinh con thứ 3 chị Đào Thị H đi làm công nhân, anh ở nhà lo liệu công việc gia đình, anh có bàn với chị Đào Thị H cầm miếng đất này để lấy vốn làm ăn, chị Đào Thị H bảo tùy anh nên anh đã cầm miếng đất này để vay 170.000.000đ mua giống, vốn thức ăn gia súc, gia cầm, sữa sang chuồng trại, do làm ăn thua lỗ nên số tiền vay này chưa trả được. Miếng đất này có nguồn gốc là tài sản riêng của anh, có trước hôn nhân, bán đi để mua. Việc thế chấp đất lấy tiền để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình chứ không phải anh tiêu riêng. Tòa tuyên chia đôi miếng đất và anh phải chịu nợ 170.000.000đ là hoàn toàn vô lý. Anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Miếng đất 92m² ở phường T, thành phố T là tài sản của riêng anh có nguồn gốc tiền của anh bán đất và tài sản có trước hôn nhân. Số nợ 170 triệu đồng là tiền vay để trang trải nợ nần chi tiêu gia đình và phát triển chăn nuôi nên đây là nợ chung chứ không phải nợ riêng của cá nhân anh.

Tại phiên tòa anh Phạm Văn V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bác đơn kháng cáo của anh Phạm Văn V; sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y để xác định lại án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản mà anh Phạm Văn V và chị Đào Thị H phải nộp. Anh Phạm Văn V không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Anh Phạm Văn V kháng cáo trong thời hạn luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Anh Ninh Doãn Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét đơn kháng cáo của anh Phạm Văn V nhận thấy: Anh Phạm Văn V cho rằng nguồn gốc tiền để mua thửa đất số H63 (TGD), diện tích 92 m², tờ bản đồ số 34, tờ 1, phường Tây Sơn, thành phố T là tiền của riêng anh bán đất và tài sản có trước hôn nhân để mua. Xét thấy, sau khi anh Phạm Văn V kết hôn với chị Đào Thị H, anh Phạm Văn V và chị Đào Thị H đã dùng tài sản có trước khi kết hôn để vợ chồng cùng sử dụng chung trong thời gian dài; sau đó bán đi để mua thửa đất tại Thành phố T, khi mua thửa đất này anh Phạm Văn V không thỏa thuận xác định đó là tài sản của riêng anh mà còn đăng ký tên của cả hai vợ chồng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm cả anh Phạm Văn V và chị Đào Thị H đều khẳng định thửa đất số H63 (TGD), diện tích 92 m², tờ bản đồ số 34, tờ 1, phường T, thành phố T là tài sản chung của vợ chồng. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/2013 mang tên Phạm Văn V và Đào Thị H. Thửa đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi anh Phạm Văn V và chị Đào Thị H đã kết hôn 12 năm. Ngoài lời khai, anh Phạm Văn V không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh quyền sử dụng thửa đất này là của riêng anh. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất này là tài sản chung của anh Phạm Văn V và chị Đào Thị H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật cần bác yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn V.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa anh Ninh Doãn Th vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; đã xem xét việc anh Phạm Văn V khai có vay của anh Ninh Doãn Th số tiền 170.000.000đ. Đồng thời xác định số tiền 170.000.000đ là nợ riêng giữa anh Phạm Văn V với anh Ninh Doãn Th là có căn cứ. Do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết việc anh Phạm Văn V dùng quyền sử dụng thửa đất số H63 (TGD) tờ bản đồ số 34, tờ 1, phường T, thành phố T là tài sản chung của vợ chồng thế chấp cho anh Ninh Doãn Th để vay số tiền 170.000.000đ nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét và tách việc vay nợ và thế chấp tài sản ra để giải quyết thành vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp là đúng quy định của pháp luật.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không tranh chấp quyền sử dụng 260m² đất ở thôn Y, xã Y và đều xác định đây là tài sản anh Phạm Văn V được tặng cho riêng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Phạm Văn V được quyền sử dụng riêng 260m² đất ở thôn Yên Tế, xã Yên Đồng là có căn cứ pháp luật. Tại biên bản định giá tài sản ngày 05/01/2017, giá trị quyền sử dụng diện tích đất này là 52.000.000đ. Nhưng khi quyết định về số tiền án phí chia tài sản mà anh Phạm Văn V phải nộp Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc anh Phạm Văn V phải chịu án phí đối với giá trị quyền sử dụng 260m² đất là tài sản thuộc quyền sử dụng riêng của anh Phạm Văn V là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi quyết định án phí chia tài sản chung đối với các đương sự cấp sơ thẩm cũng không trừ đi công nợ chung với số tiền 8.021.333đ là không đúng. Vì vậy án phí chia tài sản chung được tính lại như sau:

Anh Phạm Văn V được sở hữu nhà và công trình phụ trên diện tích 260m² đất ở thôn Y, xã Y có giá trị 49.003.000đ, giá trị đầu tư mở rộng ao và xây ba ô chuồng trại trên đất của ông Dương bà Hòn là 22.428.000đ và tiền chênh lệch tài sản là 103.295.000đ; tổng giá trị là 174.726.000đ trừ đi số tiền phải trả Ngân hàng là 8.021.333đ. Anh Phạm Văn V được hưởng là 166.704.667đ nên án phí chia tài sản là $166.704.667đ \times 5\% = 8.335.233đ$. Anh Phạm Văn V có đơn xin miễn giảm án phí vì hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân xã xác nhận nên được giảm 50% án phí do đó số tiền án phí anh Phạm Văn V phải nộp là $8.335.233đ : 2 = 4.167.616đ$.

Chị Đào Thị H được giao sử dụng mảnh đất tại thành phố T có giá trị sử dụng là 270.000.000đ và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Phạm Văn V là 103.295.000đ; giá trị tài sản chị Đào Thị H được hưởng là 166.705.000đ nên án phí chia tài sản là $166.705.000đ \times 5\% = 8.335.250đ$. Chị Đào Thị H có đơn xin miễn giảm án phí vì hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân xã xác nhận nên được giảm 50% án phí, do đó số tiền án phí chị Đào Thị H phải nộp là $8.335.250đ : 2 = 4.167.625đ$.

Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần bác đơn kháng cáo của anh Phạm Văn V; sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y để xác định lại án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung mà anh Phạm Văn V và chị Đào Thị H phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí dân sự phúc thẩm anh Phạm Văn V không phải nộp, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu tiền án phí, lệ phí Tòa án; Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y về án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung mà anh Phạm Văn V và chị Đào Thị H phải nộp như sau:

1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Chị Đào Thị H phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001784 ngày 21/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn V phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

- Án phí chia tài sản:

Anh Phạm Văn V phải nộp 4.167.616đ (Bốn triệu một trăm sáu bảy nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

Chị Đào Thị H phải nộp 4.167.625đ (Bốn triệu một trăm sáu bảy nghìn sáu trăm hai lăm đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.300.000đ mà chị Đào Thị H đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001788 ngày 21/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị Đào Thị H được nhận lại 132.375đ (Một trăm ba hai nghìn ba trăm bảy lăm đồng).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Văn V không phải nộp, được nhận lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001836 ngày 28/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao.
- VKSND tỉnh Ninh Bình(2)
- Toà cấp sơ thẩm(2)
- Phòng KT-THA(2)
- Chi cục thi hành án.
- Các đương sự
- Lưu(2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Vinh